TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP** Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST Ngày: 13-8-2025 V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Hoàn;

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thanh T, sinh năm 2001; cư trú tại: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (Trước đây là: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang). (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn K, sinh năm 2001; cư trú tại: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (Trước đây là: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Phạm Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn K tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian quen nhau khoảng 02 năm thì tổ chức đám cưới năm 2019. Nhưng đến ngày 13-3-2024 hai bên mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, vợ chồng sống cùng gia đình anh K và hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và cha mẹ anh K mâu thuẫn về cách dạy con của chị, anh K nghe lời cha mẹ nên vợ

chồng mâu thuẫn nhau và thường xuyên cự cãi. Ngoài ra, vợ chồng còn mâu thuẫn về tiền bạc, anh K đi làm có tiền nhưng không phụ giúp gì với chị để cùng nuôi con, không cho chị và con về nhà cha mẹ ruột của chị. Do không sống được với nhau nên chị đã trở về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 11-2024 đến nay và anh K hoàn toàn không đến thăm con, cũng không liên lạc và gọi chị trở về. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 01 con chung là Phạm Đăng K1, sinh ngày 01-10-2020. Chị yêu cầu được nuôi con vì từ khi sinh con đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, hiện chị đã gửi cháu đi học nhà trẻ. Yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng vì mỗi tháng chị phải bỏ ra chi phí khoảng 4.000.000 đồng để nuôi cháu K1. Trong đó gồm tiền học là 1.400.000 đồng, tiền sữa khoảng 1.000.000 đồng, tiền ăn uống 1.500.000 đồng, đồ mặc và thuốc uống khoảng 500.000 đồng. Yêu cầu cấp dưỡng từ khi bản án của tòa án có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Phạm Văn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phạm Văn K và chị Phạm Thị Thanh T tranh chấp về ly hôn; anh K cư trú tại ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

[2] Nguyên đơn, chị Phạm Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn, anh Phạm Văn K không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh K, chị T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa anh Phạm Văn K và chị Phạm Thị Thanh T là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24/2024 ngày 13-3-2024. Theo

chị T, chị và anh K tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi cưới vào năm 2019 thì vợ chồng sống hạnh phúc, đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do chị T và mẹ anh K mâu thuẫn về các nuôi dạy con chung, anh K nghe lời mẹ nên vợ chồng xảy ra cự cãi. Ngoài ra, vợ chồng còn mâu thuẫn về vấn đề tài chính, anh K đi làm có tiền nhưng không phụ giúp chị trong việc nuôi con; không cho chị T về thăm gia đình. Từ khoảng tháng 11-2024 đến nay, chị T và con đã về nhà cha mẹ ruột của chị T sinh sống nhưng anh K hoàn toàn không quan tâm, liên lạc gì. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn do chị T nêu, nhưng anh K không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Anh K cũng không đến Tòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó đã cho thấy anh K không còn quan tâm đến hôn nhân với chị T. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"* và *"vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau"*. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa anh K và chị T đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Theo lời trình bày của chị T, chị và anh K có 01 con chung là cháu Phạm Đăng K1, sinh ngày 01-10-2020. Chị T yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh K cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh K không có ý kiến gì phản đối yêu cầu của chị T. Xét việc nuôi dưỡng cháu K1 hiện nay do chị T là người trực tiếp thực hiện, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp, mức yêu cầu cấp dưỡng mà chị T nêu là phù hợp với chi phí thực tế để nuôi con và mức lương tối thiểu vùng nơi anh K sinh sống nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh K đều không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết sau bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh T là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn, anh K phải chịu án phí về cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng

hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thanh T.

- Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Thanh T được ly hôn với anh Phạm Văn K.

- Về con chung:

+ Giao cháu Phạm Đăng K1, sinh ngày 01-10-2020 cho chị Phạm Thị Thanh T là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

+ Anh Phạm Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Phạm Thị Thanh T mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, thực hiện nghĩa vụ từ khi án có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

+ Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí:

+ Chị Phạm Thị Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003376 ngày 12-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

+ Anh Phạm Văn K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thanh T, anh Phạm Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã TP, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực